



MetaTrader 4

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NỀN TẢNG CHO NGƯỜI DÙNG iOS



Mục Lục

1. Làm thế nào để cài đặt và đăng nhập vào MetaTrader 4 trên thiết bị iOS	trang 3
2. Màn Hình Quotes	trang 6
3. Thêm Cặp Tiền Tệ	trang 7
4. Xóa Cặp Tiền Tệ	trang 9
5. Màn Hình Biểu Đồ	trang 11
6. Cài Đặt Biểu Đồ	trang 12
7. Thêm Chỉ Báo	trang 14
8. Sửa đổi Chỉ Báo	trang 16
9. Xóa Chỉ Báo	trang 18
10. Màn Hình Trade	trang 20
11. Màn Hình History	trang 22
12. Màn Hình Settings	trang 24
13. Đặt một lệnh mới - Lệnh Thị Trường	trang 25
14. Đặt một lệnh mới - Lệnh Giới Hạn và Lệnh Dừng	trang 26
15. Đóng một vị thế mở - Lệnh Thị Trường	trang 29
16. Đóng một vị thế mở - Cắt Lỗ và Chốt Lãi	trang 31
17. Sửa Đổi hoặc Xóa Lệnh Chờ	trang 34



1. Làm thế nào để cài đặt và đăng nhập vào MetaTrader 4 trên thiết bị iOS

BƯỚC 1 Truy cập vào Apple Store

Bấm vào đường link dưới đây để tải ứng dụng.

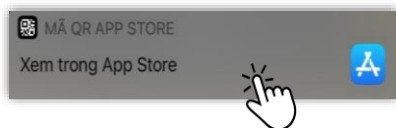
<https://apps.apple.com/us/app/metatrader-4/id496212596>

HOẶC

Sử dụng chức năng chụp ảnh của thiết bị iOS để **quét mã QR** và truy cập vào Apple Store.



BƯỚC 2 Tải ứng dụng MetaTrader 4 về thiết bị iOS của bạn



① Bấm vào thông báo để cho phép truy cập vào Apple Store.



② Bấm vào **Nhận** bên dưới tên ứng dụng.



③ Bấm vào **Cài đặt** để bắt đầu tải ứng dụng.



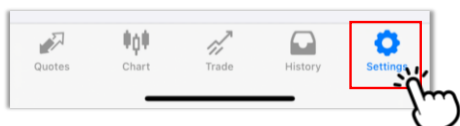
③ Bấm vào **Mở** để mở ứng dụng sau khi bạn hoàn tất quá trình tải xuống.



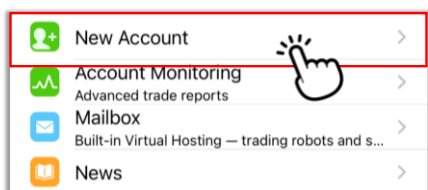
- 4 Bạn có thể tìm thấy biểu tượng **MetaTrader 4** trên thiết bị của mình khi bạn hoàn tất quá trình tải xuống

BƯỚC 3 Đăng nhập vào tài khoản giao dịch thật MetaTrader 4 của bạn

Thiết bị iPhone



- 1 Vui lòng bấm vào  để truy cập vào phần cài đặt tài khoản.

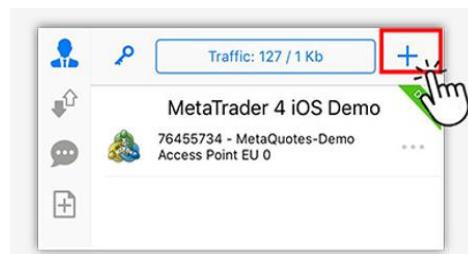


- 2 Vui lòng bấm vào  để thêm tài khoản giao dịch.

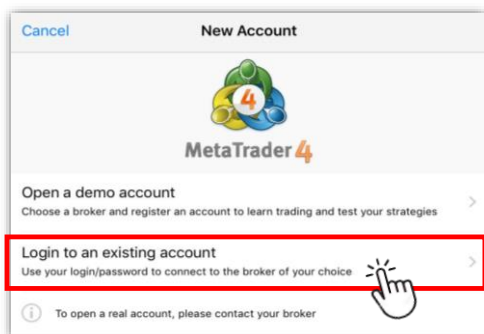
Thiết bị iPad



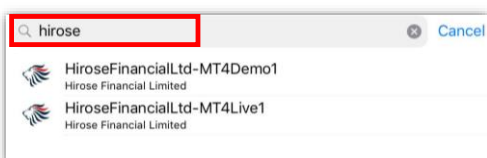
- 1 Vui lòng bấm vào  để truy cập vào phần cài đặt tài khoản.



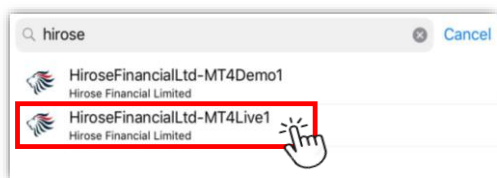
- 2 Vui lòng bấm vào  để thêm tài khoản giao dịch.



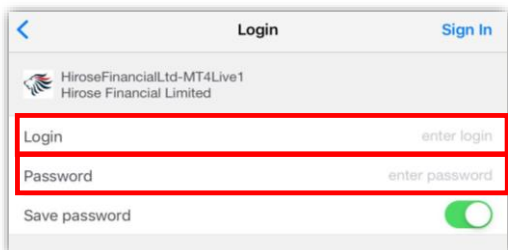
- 3 Vui lòng bấm vào **Login to an existing account**.



- 4 Vui lòng nhập **"hirose"** và tìm kiếm máy chủ của nền tảng giao dịch của Hirose.

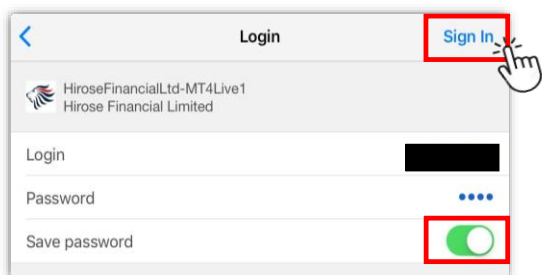


- 5 Vui lòng bấm vào **HiroseFinancialLtd-MT4Live1** để chọn máy chủ.



- 6 Vui lòng nhập **Tên đăng nhập (Login)** (ví dụ: 3xxxxxxx) và **Mật khẩu (Password)**.

Khi đăng nhập lần đầu tiên, vui lòng nhập **Tên đăng nhập** và **Mật khẩu tạm thời** mà bạn đã nhận được từ email của Hirose.



- 7 Nếu bạn muốn lưu thông tin đăng nhập của mình, vui lòng chọn **Save password**.

Sau khi điền đầy đủ thông tin, vui lòng bấm vào **Sign In**.

Sau khi hoàn thành, bạn sẽ có toàn quyền truy cập vào Nền tảng giao dịch.

2. Màn Hình Quotes



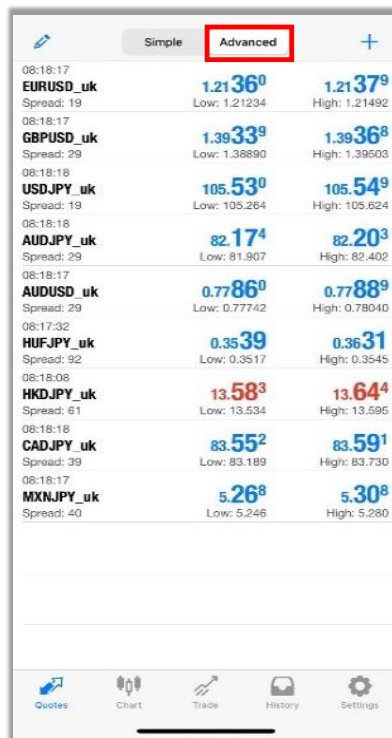
Bấm vào biểu tượng  để xem tỷ giá niêm yết hiện tại cho tất cả cặp tiền tệ.

Tỷ giá giảm được biểu thị bằng màu **đỏ** và tỷ giá tăng được biểu thị bằng màu **xanh**.

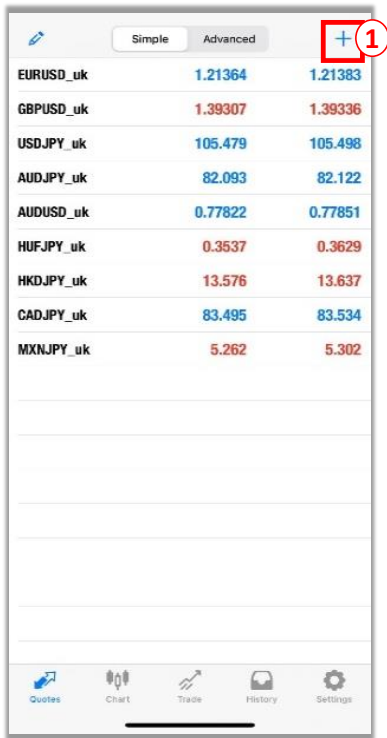
Có 2 chế độ của danh sách báo giá. Bấm vào **Simple** hoặc **Advanced** để thay đổi giữa 2 chế độ.

Chế độ xem **Simple**: Chỉ hiển thị Giá Mua và Giá Bán của mỗi cặp tiền tệ ở chế độ này.

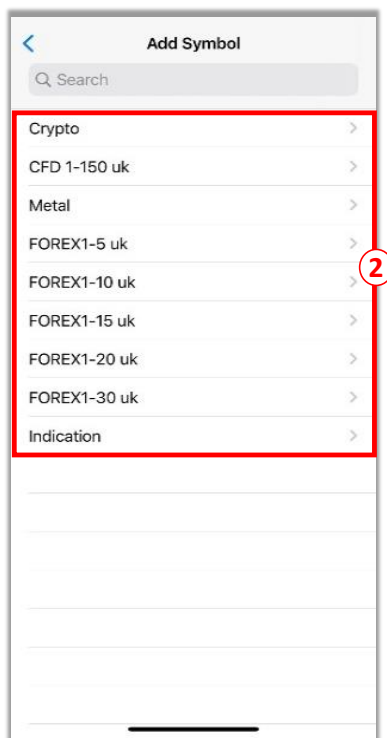
Chế độ xem **Advanced**: Chế độ này cung cấp nhiều dữ liệu hơn như spread, giá cao nhất, giá thấp nhất và cập nhật thời gian báo giá.



3. Thêm Cặp Tiền Tệ



① Bấm vào biểu tượng 



② Chọn mục chứa cặp tiền tệ bạn muốn thêm vào danh sách báo giá

Crypto:
BTCUSD_uk

CFD 1-150 uk:					
AUS200_uk	BRENTOL_uk	CNHSHARE_uk	EUR50_uk	FRANCE40_uk	GER30_uk
HK50_uk	JP225JPY_uk	JP225USD_uk	NETHER25_uk	SWISS20_uk	UK100_uk
US100_uk	US2000_uk	US30_uk	US500_uk	USOIL_uk	

CFD 1-150 uk:
XAGUSD_uk XAUUSD_uk

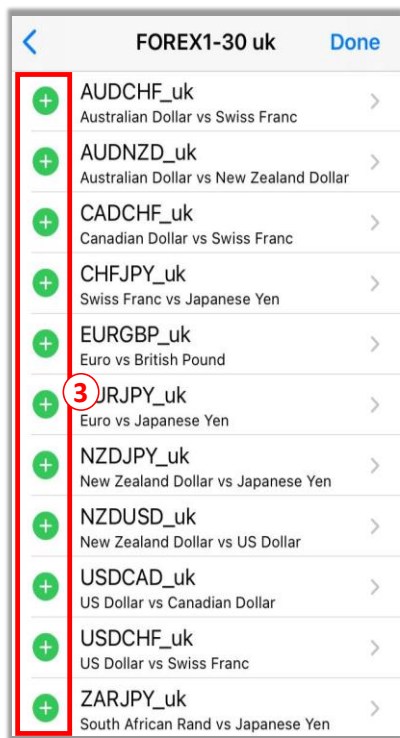
FOREX1-5 uk:
EURTRY_uk TRYJPY_uk USDMXN_uk USDTRY_uk

FOREX1-10 uk:					
EURPLN_uk	EURSGD_uk	EURZAR_uk	PLNJPY_uk	USDHUF_uk	USDPLN_uk
USDUSD_uk	USDZAR_uk				

FOREX1-15 uk:
GBPAUD_uk GBPCAD_uk GBPCHF_uk GBPNZD_uk SGDJPY_uk USDHKD_uk

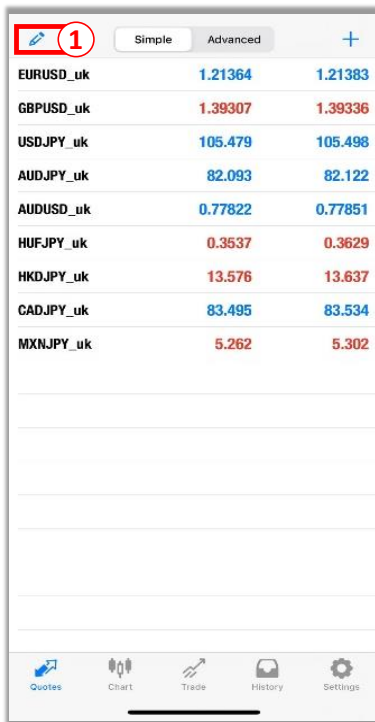
FOREX1-20 uk:					
AUDCAD_uk	EURAUD_uk	EURCAD_uk	EURCHF_uk	EURNZD_uk	GBPJPY_uk
NZDCAD_uk	NZDCHF_uk				

FOREX1-30 uk:					
AUDCHF_uk	AUDNZD_uk	CADCHF_uk	CHFJPY_uk	EURGBP_uk	EURJPY_uk
NZDJPY_uk	NZDUSD_uk	USDCAD_uk	USDCHF_uk	ZARJPY_uk	

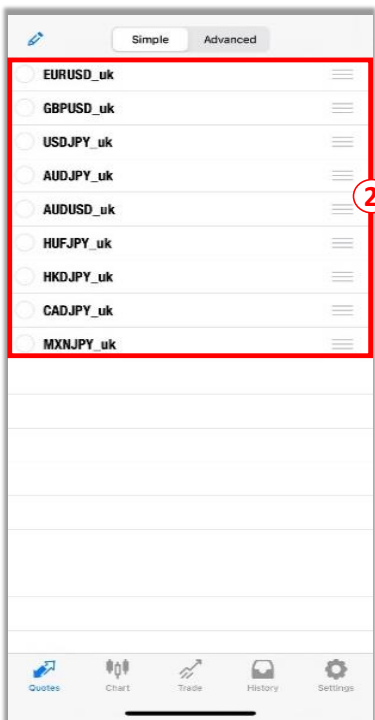


3 Bấm vào biểu tượng  của cặp tiền để thêm cặp tiền đã chọn vào danh sách báo giá

4. Xóa Cặp Tiền Tệ



① Bấm vào biểu tượng 



② Chọn cặp tiền tệ mà bạn muốn xóa khỏi danh sách báo giá



3 Bấm vào biểu tượng  để xóa các cặp tiền tệ đã chọn

Lưu ý:

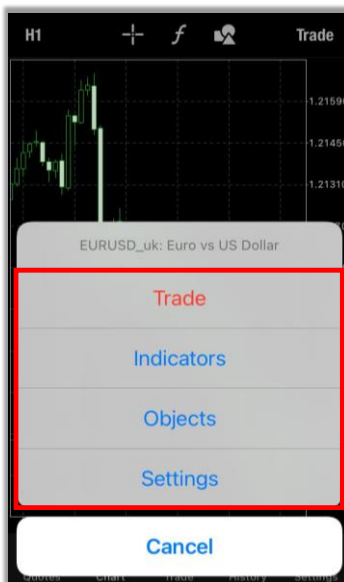
- Bạn không thể xóa các cặp tiền vẫn ở vị thế mở, chưa được thực thi hoặc đang được hiển thị trên biểu đồ.
- Để thay đổi thứ tự của danh sách ký hiệu, nhấn và giữ biểu tượng  ở bên phải và di chuyển ký hiệu lên hoặc xuống tùy theo mong muốn của bạn.

5. Màn Hình Biểu đồ



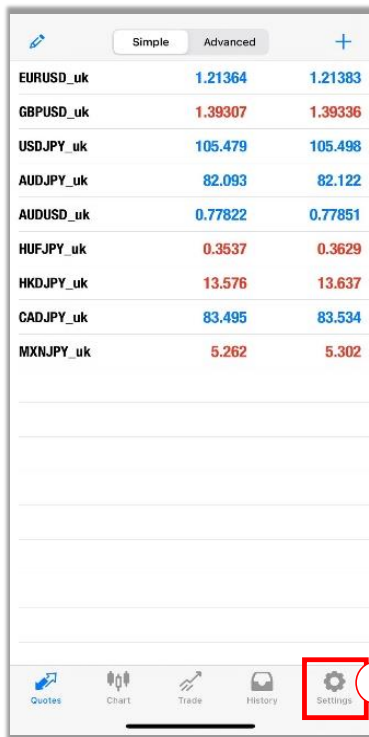
Bấm vào biểu tượng  để xem biểu đồ của cặp tiền tệ bạn đã chọn

- ① **H1** : thay đổi giữa các khung thời gian có sẵn - 1 phút, 5 phút, 15 phút, 30 phút, 1 giờ, 4 giờ, 1 ngày, 1 tuần, 1 tháng
- ② **+** : hiển thị thời gian (trục tung), tỷ giá (trục hoành) và chỉ báo (cửa sổ dữ liệu) của giá niêm yết hiện tại
- ③ **f** : thêm chỉ báo vào biểu đồ hiện tại và cài đặt các thuộc tính
- ④ **Chart** : thêm Đường Dọc, Đường Ngang, Đường Xu Hướng, Xu Hướng Bồi Góc, Đường Chu Kỳ vào biểu đồ hiện tại
- ⑤ **Trade** : đặt một lệnh mới

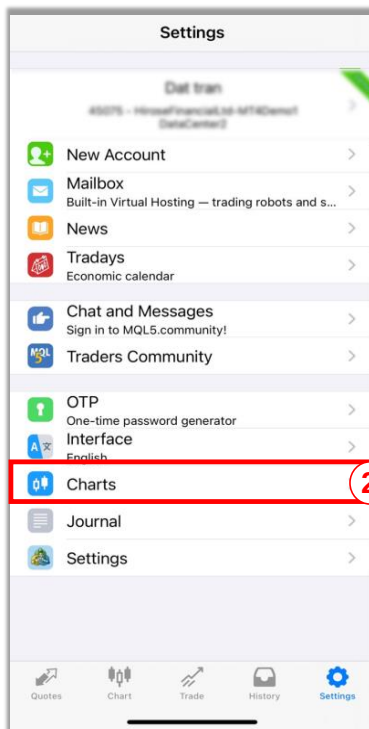


Bạn cũng có thể truy cập vào Trade (Giao Dịch), Indicators (Chỉ Báo), Objects (Đối Tượng) và Settings (Cài Đặt) khi bạn bấm vào bất kỳ chỗ nào trên màn hình Chart.

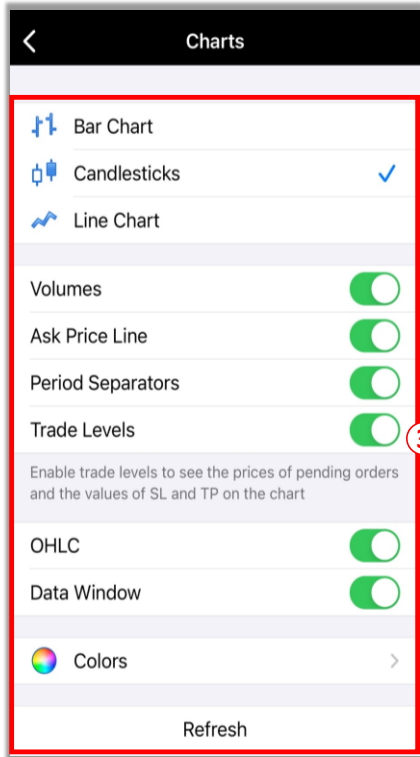
6. Cài Đặt Biểu Đồ



1 Bấm vào biểu tượng



2 Bấm chọn **Charts**



- ③ Chọn cài đặt bạn muốn bằng cách bấm vào nó, hoặc bấm vào  để chọn ô nếu bạn muốn hiển thị lựa chọn mong muốn của mình trên biểu đồ

Có 9 tùy chọn để cài đặt Biểu Đồ:

Chart type: thay đổi giữa **Bar Charts** (Biểu Đồ Thanh), **Candlesticks** (Biểu Đồ Nến) và **Line Chart** (Biểu Đồ Đường)

Volumes: hiển thị số lượng của ticks (1 tick ứng với mỗi chuyển động của giá)

Ask Price Line: hiển thị đường biểu thị giá mua trên biểu đồ

Period Separators: hiển thị các đường thẳng đứng phân chia dữ liệu khung thời gian của biểu đồ theo ngày (M1, M5, M15, M30, H1), theo tuần (H4), theo tháng (D1) hoặc theo năm (W1, MN1)

Trade Levels: hiển thị lệnh giới hạn, lệnh dừng và lệnh đã thực thi

OHLC: hiển thị 4 mức giá của một cây nến trên biểu đồ nến O: giá Mở H: giá Cao Nhất L: giá Thấp Nhất C: giá Đóng

Data Window: hiển thị cửa sổ dữ liệu trên biểu đồ (dữ liệu được hiển thị là chỉ số của chỉ báo đã được áp dụng vào biểu đồ)

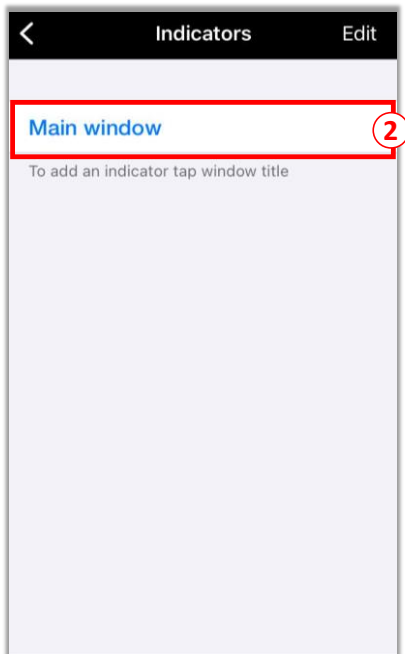
Colors: cài đặt màu sắc cho tất cả các mục hiển thị trên biểu đồ

Refresh: làm mới nội dung hiển thị

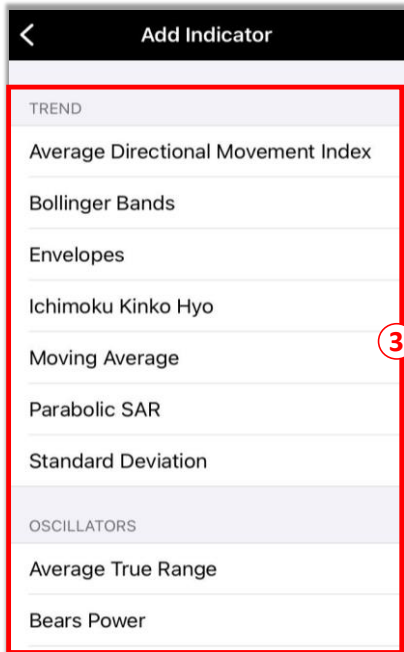
7. Thêm Chỉ Báo



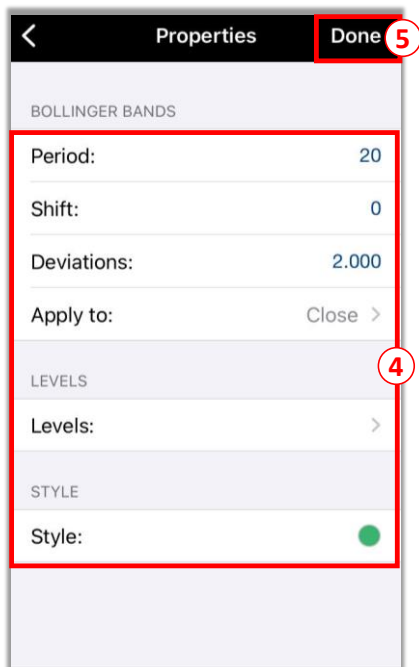
① Bấm vào biểu tượng  trên màn hình Chart



② Chọn **Main window**



- 3 Chọn chỉ báo bạn muốn hiển thị từ danh sách



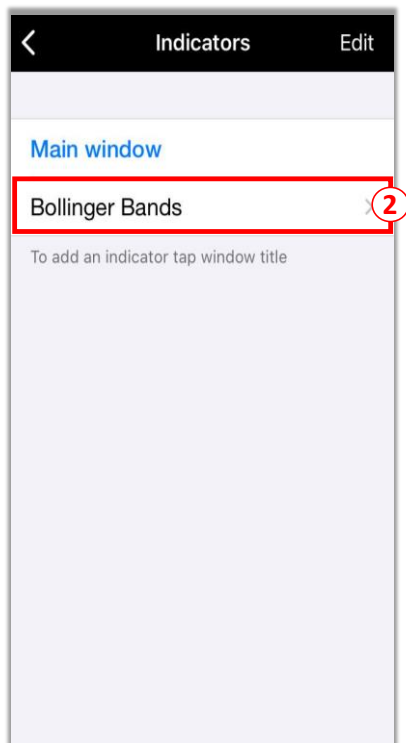
- 4 Cài đặt tham số, kiểu dáng và cấp độ của Chỉ Báo theo sở thích của bạn
- 5 Bấm vào **Done** và chỉ báo sẽ được hiển thị trên biểu đồ.



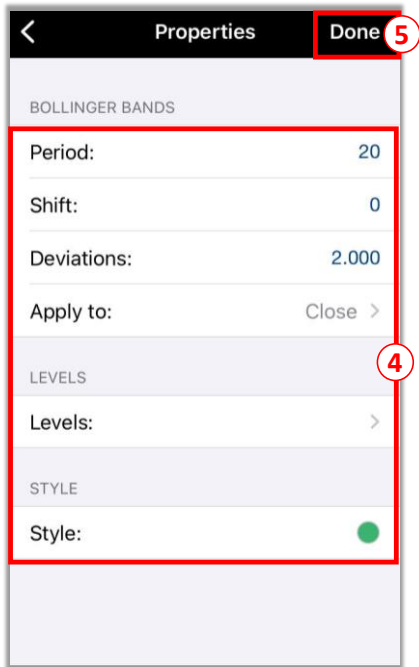
8. Sửa đổi Chỉ Báo



① Bấm vào biểu tượng  trên màn hình Chart



② Bấm vào chỉ báo mà bạn muốn sửa đổi.

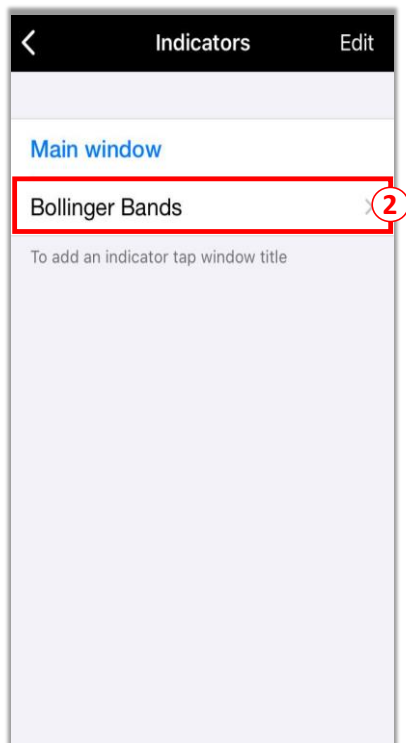


- ④ Cài đặt tham số, kiểu dáng và cấp độ của Chỉ Báo theo sở thích của bạn
- ⑤ Bấm vào **Done** và chỉ báo sẽ được hiển thị trên biểu đồ.

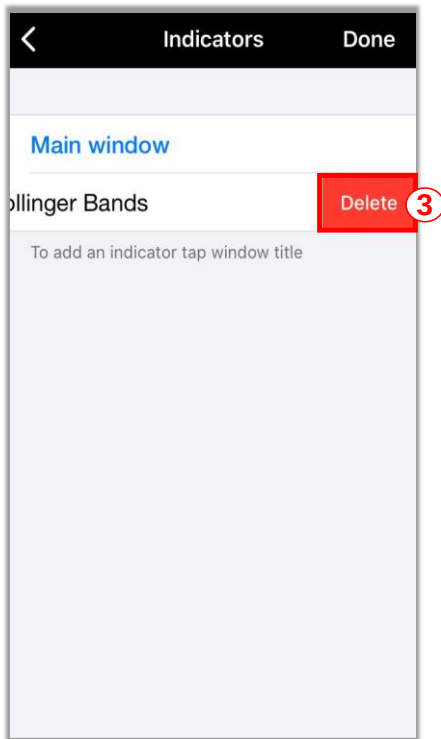
9. Xóa Chỉ Báo



① Bấm vào biểu tượng  trên màn hình Chart



② Vuốt sang trái tại chỉ báo mà bạn muốn xóa.



③ Bấm vào **Delete** để hoàn thành



10. Màn Hình Trade

297.95 USD +	
Balance:	5 000 000.00
Equity:	5 000 297.95
Margin:	84 310.58
Free margin:	4 915 987.37
Margin level (%):	5 930.81
Positions	
EURUSD_uk, sell 0.01	-0.57
1.21372 → 1.21429	
EURUSD_uk, buy 0.01	0.19
1.21391 → 1.21410	
EURUSD_uk, buy 30.00	30.00
1.21409 → 1.21410	
GBPUSD_uk, buy 20.00	420.00
1.39318 → 1.39339	
USDJPY_uk, sell 20.00	-151.67
105.482 → 105.490	
Orders	
EURUSD_uk, buy limit	1.21429
0.01 at 1.21360	
USDJPY_uk, sell limit	105.471
20.00 at 105.590	

- ① Bấm vào biểu tượng  để truy cập vào màn hình Trade xem thông tin tài khoản của bạn, các vị thế đang giữ, các lệnh chờ, v.v.

297.95 USD +	
Balance:	5 000 000.00
Equity:	5 000 297.95
Margin:	84 310.58
Free margin:	4 915 987.37
Margin level (%):	5 930.81
Positions	
EURUSD_uk, sell 0.01	-0.57
1.21372 → 1.21429	
EURUSD_uk, buy 0.01	0.19
1.21391 → 1.21410	
EURUSD_uk, buy 30.00	30.00
1.21409 → 1.21410	
GBPUSD_uk, buy 20.00	420.00
1.39318 → 1.39339	
USDJPY_uk, sell 20.00	-151.67
105.482 → 105.490	
Orders	
EURUSD_uk, buy limit	1.21429
0.01 at 1.21360	
USDJPY_uk, sell limit	105.471
20.00 at 105.590	

- ② 297.95 USD Lợi nhuận hoặc lỗ chưa được ghi nhận ở thời điểm hiện tại
- Lợi nhuận sẽ được hiển thị dưới dạng số dương (+) trên nền màu xanh.
- Lỗ sẽ được hiển thị dưới dạng số âm (-) trên nền màu đỏ.

- ③ + : đặt lệnh mới

- ④ **Balance:** số dư tài khoản hiện tại của bạn (không bao gồm Lợi Nhuận / Lỗ Chưa Được Ghi Nhận)

Equity: giá trị hiện tại của tài khoản của bạn (Số dư tài khoản + Lợi Nhuận - Lỗ)

Margin: số tiền cần có để duy trì vị thế hiện tại

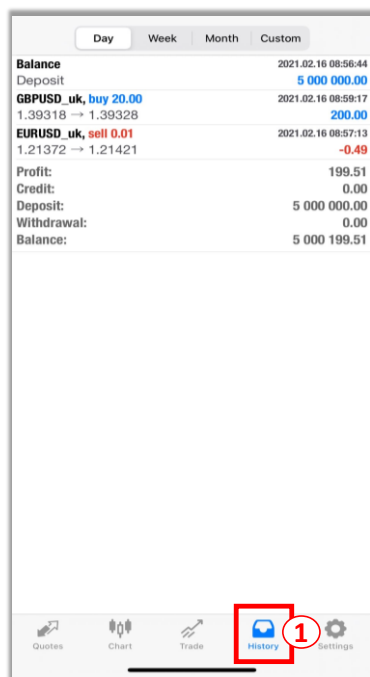
Free margin: số tiền còn có thể sử dụng để thực hiện các giao dịch mới (Equity - Margin)

Margin level (%): $\text{Equity} / \text{Margin} \times 100$

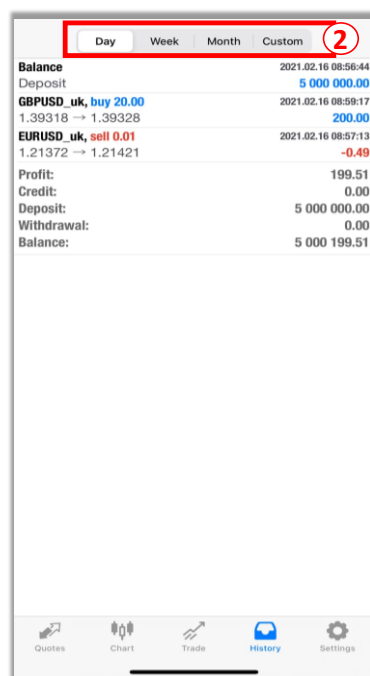
297.95 USD +	
Balance:	5 000 000.00
Equity:	5 000 297.95
Margin:	84 310.58
Free margin:	4 915 987.37
Margin level (%):	5 930.81
Positions	
EURUSD_uk, sell 0.01	-0.57
1.21372 → 1.21429	
EURUSD_uk, buy 0.01	0.19
1.21391 → 1.21410	
EURUSD_uk, buy 30.00	30.0
1.21409 → 1.21410	
GBPUSD_uk, buy 20.00	420.00
1.39318 → 1.39339	
USDJPY_uk, sell 20.00	-151.67
105.482 → 105.490	
Orders	
EURUSD_uk, buy limit	1.21429
0.01 at 1.21360	
USDJPY_uk, sell limit	105.471
20.00 at 105.590	

- ⑤ **Positions** hiển thị dữ liệu của tất cả các vị thế mở mà bạn hiện đang giữ
- ⑥ **Orders** hiển thị dữ liệu của tất cả các lệnh chờ mà bạn đã đặt

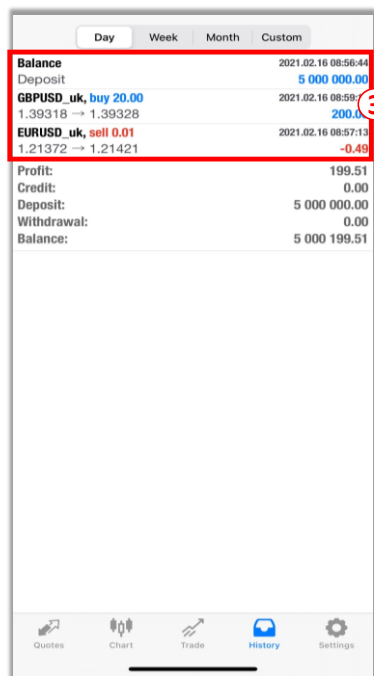
11. Màn Hình History



- ① Bấm vào biểu tượng  để truy cập vào màn hình History xem lịch sử giao dịch của bạn, nạp tiền và rút tiền, lời và lỗ đã được ghi nhận, v.v.

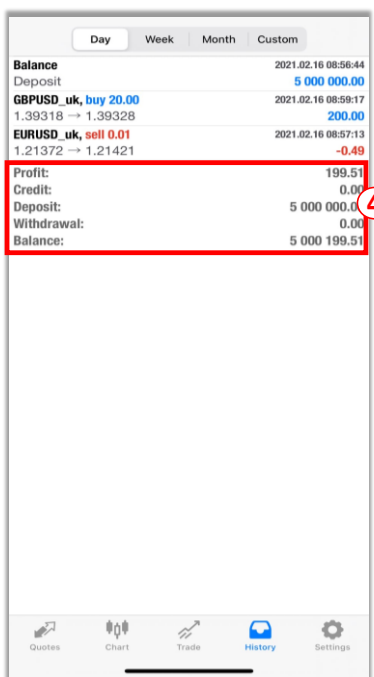


- ② Chọn khoảng thời gian cụ thể của lịch sử giao dịch mà bạn muốn xem
- Day: giao dịch của hôm nay
 - Week: các giao dịch từ tuần trước cho đến hôm nay
 - Month: các giao dịch từ tháng trước cho đến hôm nay
 - Custom: những giao dịch trong một khoảng thời gian cụ thể tùy theo sự lựa chọn của bạn



	Day	Week	Month	Custom
Balance	2021.02.16 08:56:44			
Deposit	5 000 000.00			
GBPUSD_uk, buy 20.00	2021.02.16 08:58:17			
1.39318 → 1.39328	200.00			
EURUSD_uk, sell 0.01	2021.02.16 08:57:13			
1.21372 → 1.21421	-0.49			
Profit:	199.51			
Credit:	0.00			
Deposit:	5 000 000.00			
Withdrawal:	0.00			
Balance:	5 000 199.51			

- ③ Danh sách các giao dịch trong khoảng thời gian được lựa chọn (Nạp tiền, Rút tiền, kết quả giao dịch từ những vị thế đã đóng, v.v.)



	Day	Week	Month	Custom
Balance	2021.02.16 08:56:44			
Deposit	5 000 000.00			
GBPUSD_uk, buy 20.00	2021.02.16 08:58:17			
1.39318 → 1.39328	200.00			
EURUSD_uk, sell 0.01	2021.02.16 08:57:13			
1.21372 → 1.21421	-0.49			
Profit:	199.51			
Credit:	0.00			
Deposit:	5 000 000.00			
Withdrawal:	0.00			
Balance:	5 000 199.51			

- ④ **Profit:** Lợi nhuận hoặc lỗ đã được ghi nhận tại thời điểm hiện tại

Credit: chi tiết của bất kỳ khoản tín dụng nào đã được cấp

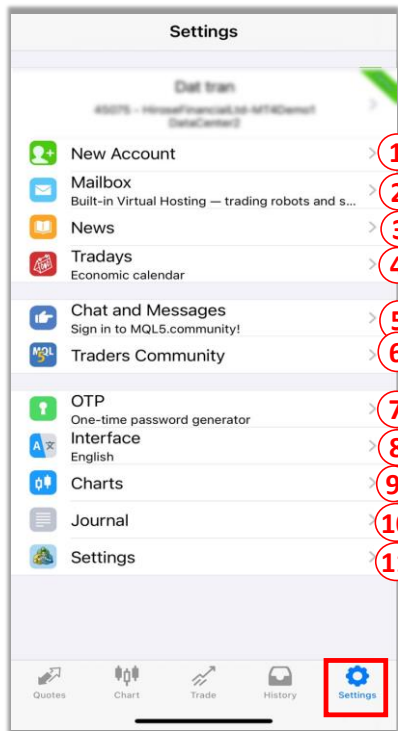
Deposit: số tiền gửi vào tài khoản trong khoảng thời gian đã chọn

Withdrawal: số tiền rút từ tài khoản trong khoảng thời gian đã chọn

Balance: số dư tài khoản hiện tại của bạn (không bao gồm Lợi nhuận / Lỗ chưa được ghi nhận)

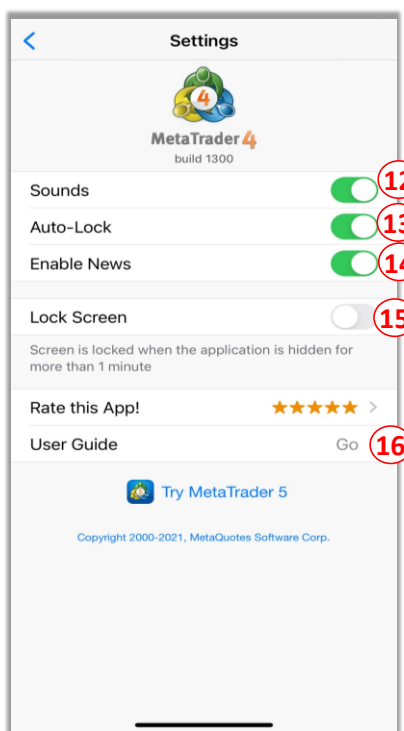
12. Màn Hình Settings

Bấm vào biểu tượng  để truy cập vào màn hình Settings



- ① **New Account:** mở tài khoản giao dịch mới hoặc kết nối với tài khoản hiện có
- ② **Mailbox:** xem tin nhắn từ hệ thống
- ③ **News:** đọc tin tức
- ④ **Tradays:** truy cập hoặc tải xuống ứng dụng Tradays để xem Lịch Kinh Tế
- ⑤ **Chat and Messages:** truy cập vào hộp tin nhắn trong trang web MQL5
- ⑥ **Traders Community:** truy cập vào trang web MQL5
- ⑦ **OTP:** khởi tạo mật khẩu một lần
- ⑧ **Interface:** thay đổi ngôn ngữ hiển thị
- ⑨ **Charts:** đi tới cài đặt biểu đồ
- ⑩ **Journal:** hiển thị nhật ký của tất cả các hoạt động trên tài khoản của bạn
- ⑪ **Settings:** truy cập vào các tùy chọn Cài Đặt khác

Sau khi bấm vào biểu tượng ⑪  Settings các tùy chọn cài đặt khác sẽ xuất hiện như sau.

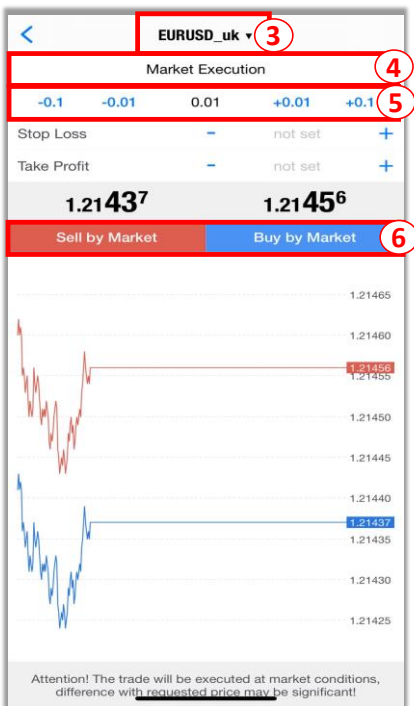


- ⑫ **Sounds:** bật / tắt âm thanh (thông báo đầy, báo giá lại, v.v.)
- ⑬ **Auto-Lock:** khi tính năng này bị vô hiệu, màn hình của thiết bị sẽ không bị khóa tự động khi ứng dụng MetaTrader 4 đang hoạt động
- ⑭ **Enable News:** bật / tắt hiển thị tin tức
- ⑮ **Lock Screen:** cài đặt mật khẩu để hạn chế quyền truy cập vào ứng dụng MetaTrader 4
- ⑯ **User Guide:** mở hướng dẫn sử dụng

13. Đặt một lệnh mới - Lệnh Thị Trường



- ① Bấm vào biểu tượng  để xem màn hình Chart
- ② Bấm vào biểu tượng  để đặt lệnh mới



Ở màn hình Order

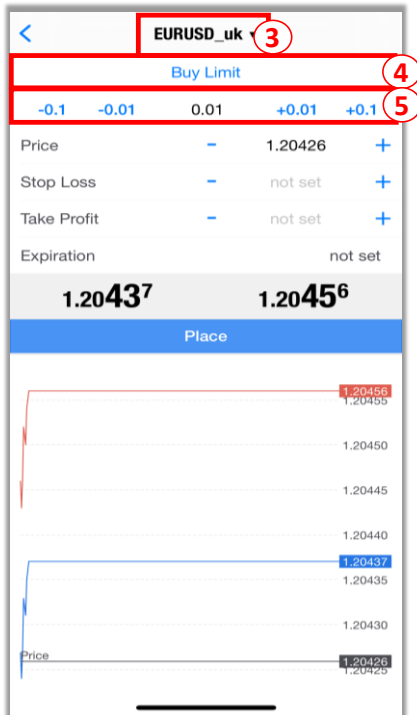
- ③ Bấm vào đây để chọn cặp tiền tệ bạn muốn đặt lệnh
- ④ Chọn **Market Execution**
- ⑤ Chọn khối lượng giao dịch tùy thích của bạn (Tối thiểu: 0,01 lot)
- ⑥ Bấm vào **Sell by Market** nếu bạn muốn đặt một Lệnh Bán với giá thị trường hiện tại

Bấm vào **Buy by Market** nếu bạn muốn đặt một Lệnh Mua với giá thị trường hiện tại

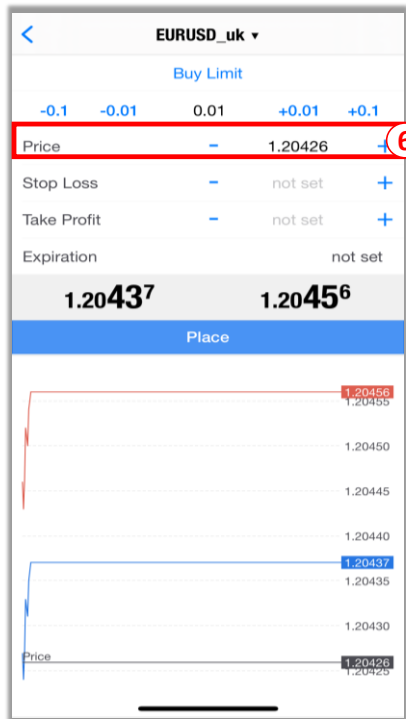
14. Đặt một lệnh mới - Lệnh Giới Hạn và Lệnh Dừng



- ① Bấm vào biểu tượng  để xem màn hình Chart
- ② Bấm vào biểu tượng  để đặt lệnh mới



- ③ Bấm vào đây để chọn cặp tiền tệ bạn muốn đặt lệnh
- ④ Chọn **Buy Limit/Sell Limit/Buy Stop/Sell Stop**
- ⑤ Chọn khối lượng giao dịch tùy thích của bạn (Tối thiểu: 0,01 lot)



⑥ Nhập giá mở cho lệnh mà bạn đã chọn:

Buy Limit (Giới Hạn Mua) / Sell Stop (Dừng Bán): Giá mở phải **thấp** hơn giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.

Buy Stop (Dừng Mua) / Sell Limit (Giới Hạn Bán): Giá mở phải **cao** hơn giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.

Point là gì?

Point là đơn vị nhỏ nhất trong báo giá

Ví dụ:

Nếu giá của EURUSD thay đổi từ 1.18018 xuống 1.18010

$1.18018 - 1.18010 = 0.00008 = 8 \text{ points}$

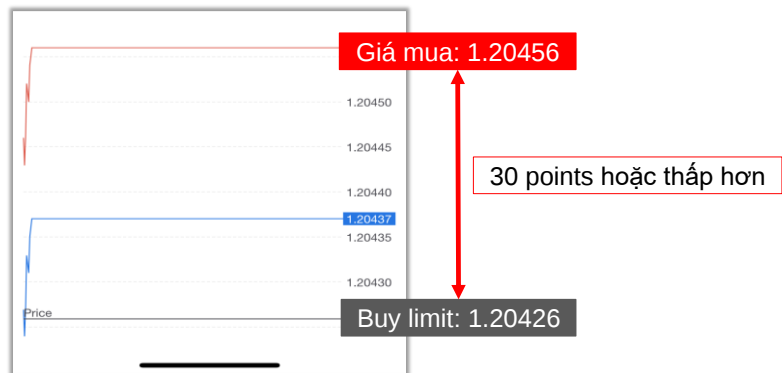
0.00008 ở đây có nghĩa là USD đã xuống 8 points thấp hơn.

Cách để nhập giá mở:

Đối với Buy Limit (Giới Hạn Mua)

Giá mở phải **thấp hơn** giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.

Ví dụ: Giá mua của thị trường hiện tại (giá màu **đỏ**) là 1.20456. Giá Buy Limit (Giới Hạn Mua) phải là **1.20426 hoặc thấp hơn**.



Đối với Sell Stop (Dừng Bán)

Giá mở phải **thấp hơn** giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.

Ví dụ: Giá bán của thị trường hiện tại (giá màu **xanh**) là 1.20377. Giá Sell Stop (Dừng Bán) phải là **1.20347 hoặc thấp hơn**.



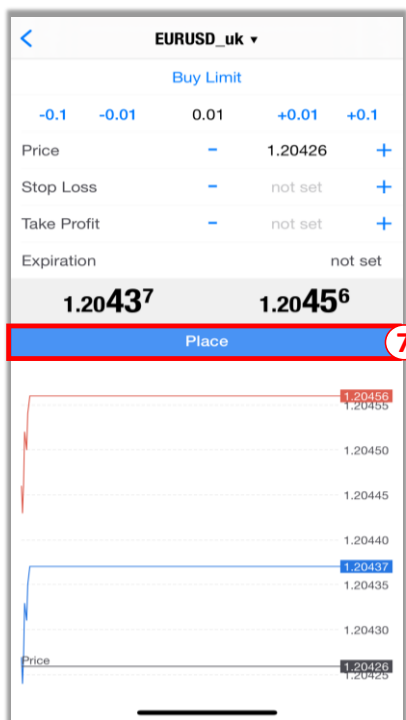
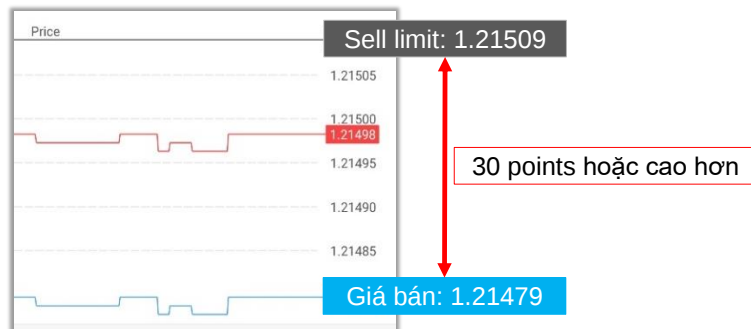
Đối với Buy Stop (Dừng Mua)

Giá mở phải **cao hơn** giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.
Ví dụ: Giá mua của thị trường hiện tại (giá màu **đỏ**) là 1.20430. Giá Buy Stop (Dừng Mua) phải là **1.20460 hoặc cao hơn**.



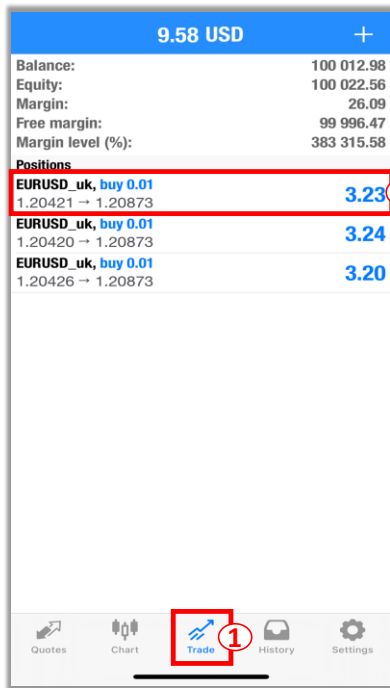
Đối với Sell Limit (Giới Hạn Bán)

Giá mở phải **cao hơn** giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.
Ví dụ: Giá bán của thị trường hiện tại (giá màu **xanh**) là 1.21479. Giá Sell Limit (Giới Hạn Bán) phải là **1.21509 hoặc cao hơn**.



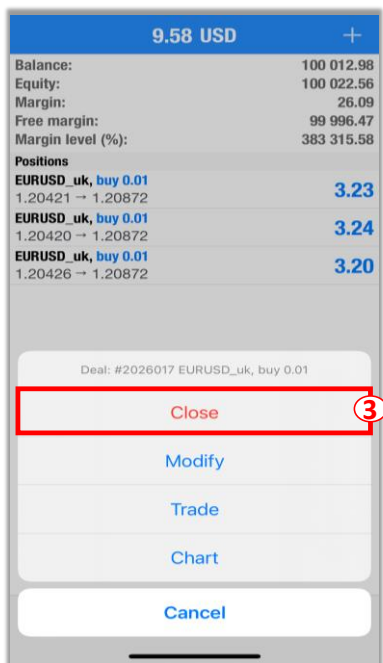
7 Bấm vào **Place**

15. Đóng một vị thế mở - Lệnh Thị Trường

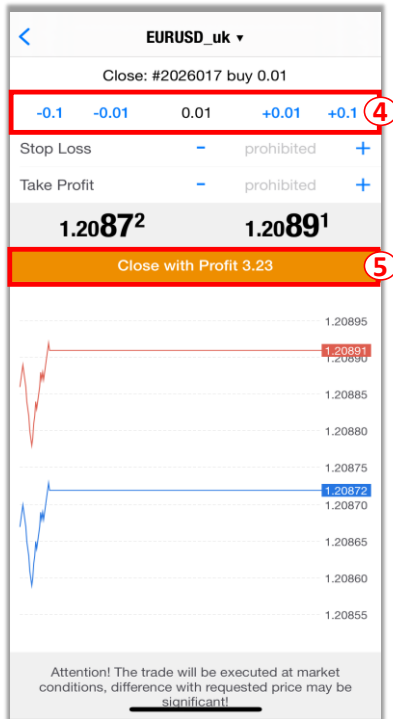


① Bấm vào biểu tượng  để xem màn hình Trade

② Nhấn và giữ vị thế bạn muốn đóng



③ Bấm vào **Close**

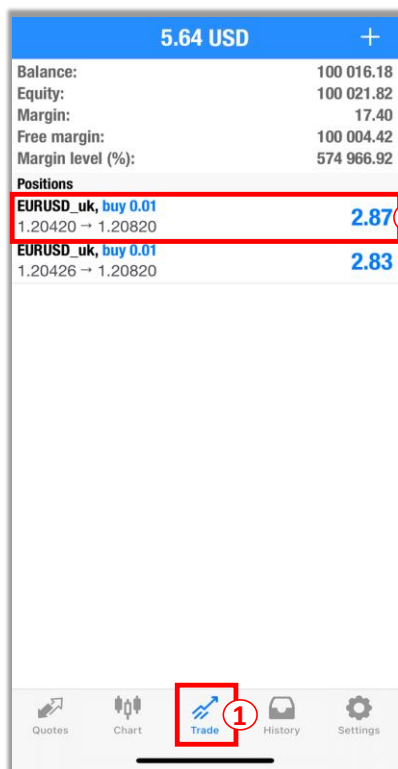


④ Chọn khối lượng lot mà bạn muốn đóng
Khối lượng lot phải bằng hoặc ít hơn khối lượng của vị thế (Tối thiểu: 0,01 lot)

⑤ Bấm vào **Close with Profit/Close with Loss**

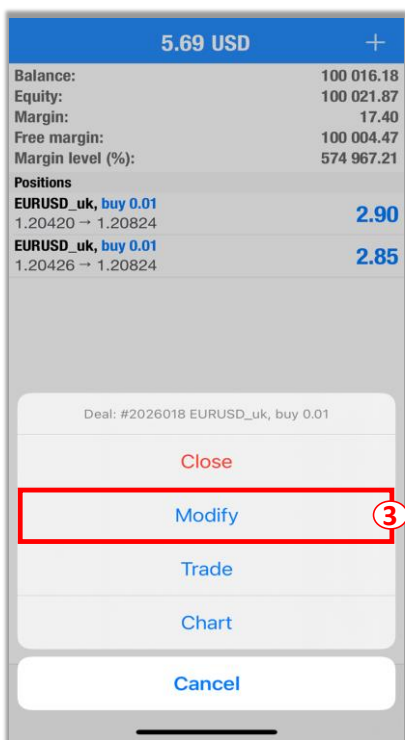


16. Đóng một vị thế mở - Cắt Lỗ và Chốt Lãi

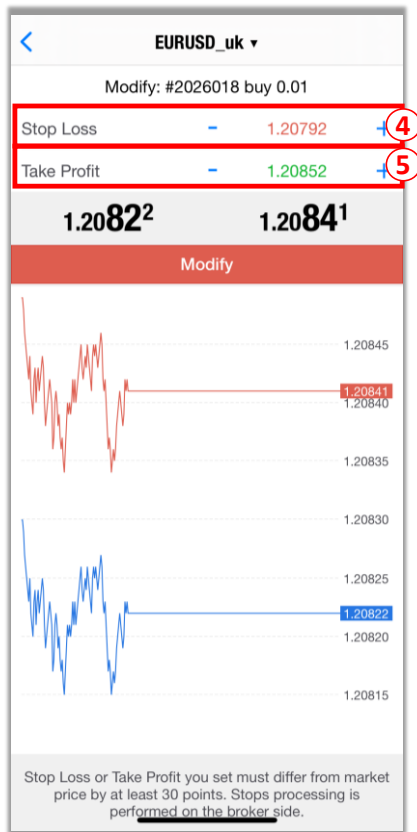


1 Bấm vào biểu tượng  để xem màn hình Trade

2 Nhấn và giữ vị thế bạn muốn đóng



3 Bấm vào **Modify**



4 Nhập giá Cắt Lỗ

5 Nhập giá Chốt Lờ

Lưu ý:

Nếu bạn chọn Lệnh Mua:

Giá Cắt Lỗ phải **thấp hơn** giá bán của thị trường hiện tại (giá màu **xanh**) ít nhất là **30 points**.

Giá Chốt Lờ phải **cao hơn** giá bán của thị trường hiện tại (giá màu **xanh**) ít nhất là **30 points**.

Point là gì?

Point là đơn vị nhỏ nhất trong báo giá

Ví dụ:

Nếu giá của EURUSD thay đổi từ 1.18018 xuống 1.18010

$$1.18018 - 1.18010 = 0.00008 = 8 \text{ points}$$

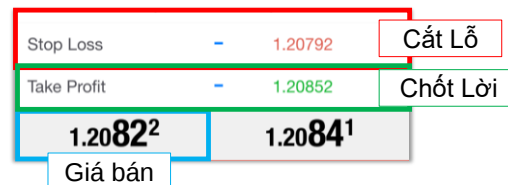
0.00008 ở đây có nghĩa là USD đã xuống 8 points thấp hơn.

Ví dụ

Giá bán của thị trường hiện tại (giá màu **xanh**) là 1.20822.

Giá Cắt Lỗ đối với Lệnh Mua phải là **1.20792 hoặc thấp hơn**.

Giá Chốt Lờ đối với Lệnh Mua phải là **1.20852 hoặc cao hơn**.



Nếu bạn chọn Lệnh Bán:

Giá Cắt Lỗ phải **cao hơn** giá mua của thị trường hiện tại (giá màu **đỏ**) ít nhất là **30 points**.

Giá Chốt Lờ phải **thấp hơn** giá mua của thị trường hiện tại (giá màu **đỏ**) ít nhất là **30 points**.

Ví dụ

Giá mua của thị trường hiện tại (giá màu **đỏ**) là 1.20841.

Giá Cắt Lỗ đối với Lệnh Bán phải là **1.20871 hoặc cao hơn**.

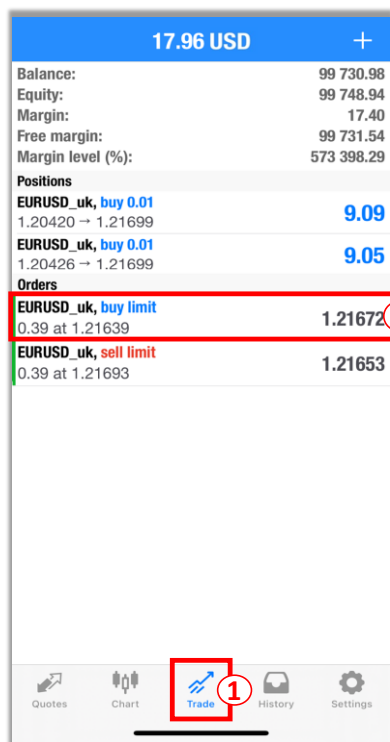
Giá Chốt Lờ đối với Lệnh Bán phải là **1.20811 hoặc thấp hơn**.





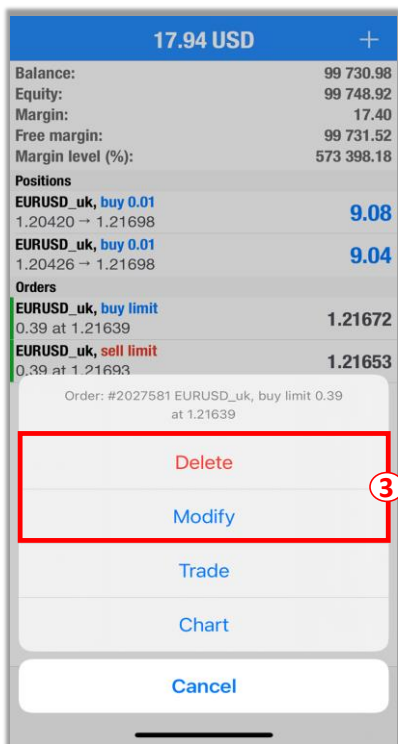
6 Bấm vào **Modify**

17. Sửa hoặc Xóa Lệnh Chờ

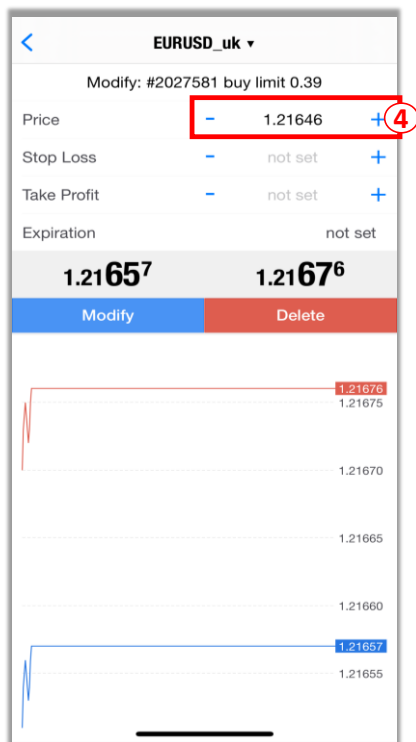


① Bấm vào biểu tượng  để xem màn hình Trade

② Bấm và giữ tại vị thể mà bạn muốn sửa hoặc xóa



③ Bấm **Modify** để sửa lệnh và tiếp tục các Bước 4 và 5; hoặc Bấm **Delete** để xóa lệnh



④ Nhập giá mở mới của Lệnh Chờ:

Buy Limit (Giới Hạn Mua) / Sell Stop (Dừng Bán): Giá mở phải **thấp hơn** giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.

Buy Stop (Dừng Mua) / Sell Limit (Giới Hạn Bán): Giá mở phải **cao hơn** giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.

Point là gì?

Point là đơn vị nhỏ nhất trong báo giá

Ví dụ:

Nếu giá của EURUSD thay đổi từ 1.18018 xuống 1.18010

1.18018 - 1.18010 = 0.00008 = 8 points

0.00008 ở đây có nghĩa là USD đã xuống 8 points thấp hơn.

Ví dụ:

Đối với Buy Limit (Giới Hạn Mua)

Giá mở phải **thấp hơn** giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.

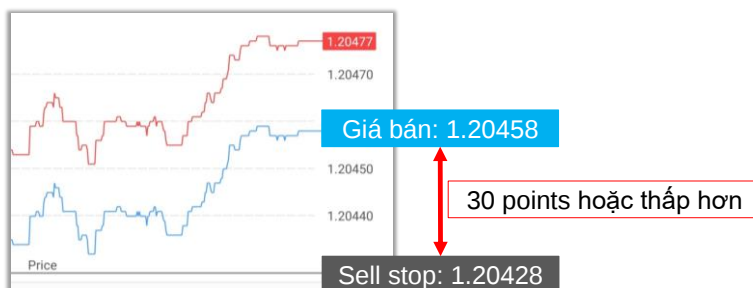
Giá mua của thị trường hiện tại (giá màu **đỏ**) là 1.20455. Giá Buy Limit (Giới Hạn Mua) phải là **1.20425 hoặc thấp hơn**.



Đối với Sell Stop (Dừng Bán)

Giá mở phải **thấp hơn** giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.

Giá bán của thị trường hiện tại (giá màu **xanh**) là 1.20458. Giá Sell Stop (Dừng Bán) phải là **1.20428 hoặc thấp hơn**.



Đối với Buy Stop (Dừng Mua)

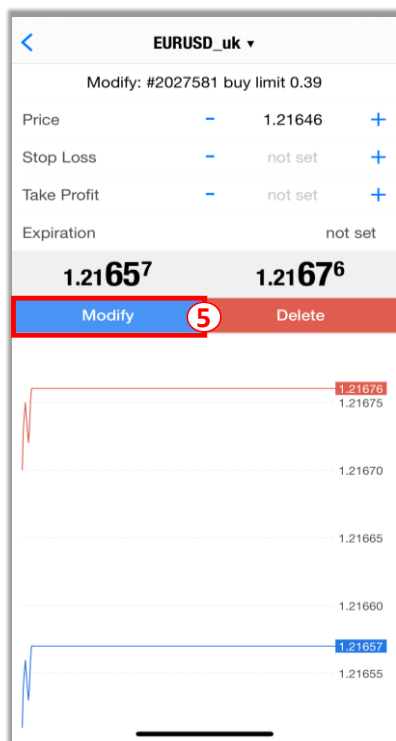
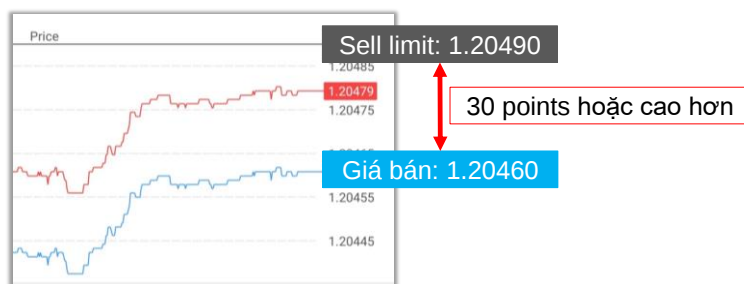
Giá mở phải **cao hơn** giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.

Giá mua của thị trường hiện tại (giá màu **đỏ**) là 1.20478. Giá Buy Stop (Dừng Mua) phải là **1.204508 hoặc cao hơn**.



Đối với Sell Limit (Giới Hạn Bán)

Giá mở phải **cao hơn** giá thị trường hiện tại **ít nhất 30 points**.
Giá bán của thị trường hiện tại (giá màu **xanh**) là 1.20460. Giá Sell Limit (Giới Hạn Bán) phải là **1.20490 hoặc cao hơn**.



⑤ Bấm **Modify** để hoàn tất